TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/HSST
Ngày 07-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiên

2. Ông Huỳnh Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

TRƯƠNG THỊ T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại H; Nơi thường trú: Tổ 7, phường D, thành phố P, tỉnh G; nơi tạm trú: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Gia sư; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn T, sinh năm 1964 và bà: Bá Thị O, Sinh năm 1964. Bị cáo có 01 em ruột; sinh năm 1989; có chồng là Phan Sinh T (đã ly hôn), sinh năm 1984; bị cáo có 01 con sinh năm 2016. Hiện con đang sống cùng bị cáo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trương Thị T bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08-7-2023 cho đến nay. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 05, phường C, thành phố Pl, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh G; Vắng mặt.

3. Anh Trần Văn C, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 05, phường P, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian tháng 4 năm 2020, Trương Thị T có thuê trọ ở tại số 30 đường L, Tổ 5, phường P, thành phố P, tỉnh G. Trong thời gian ở tại đây, T có quen biết người đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng ở khu trọ. Hgiới thiệu làm bảo vệ tại trường dạy lái xe (nhưng không nói rõ là trường nào), nên có thể làm giấy phép lái xe mà không cần thi sát hạch. Do muốn có giấy phép lái xe mà không cần thi nên T nhờ H làm giấy phép lái xe giả thì H đồng ý. Sau đó, T đưa Chứng minh nhân dân của T và 4.000.000 đồng cho Hai; vài ngày sau, Hai trả lại Chứng minh nhân dân cho T. Đến khoảng thời gian đầu năm 2021, Hai không ở tại khu nhà trọ số 30 đường Lý Nam Đế, mà chuyển đi ở tại đâu không rõ. Đến khoảng cuối năm 2021, Hai gọi điện thoại cho T hẹn gặp (T không còn nhớ địa điểm) rồi giao cho T 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 640228989325 mang tên Trương Thị T. Sau khi làm được giấy phép lái xe giả, T cất giữ với mục đích để sử dụng khi điều khiển xe ô tô lưu thông trên đường. Khoảng 21 giờ ngày 08/4/2023, Trương Thị T điều khiển ô tô biển số 81A-250.64 đi từ nhà đến trước số 478 đường T, phường B, thành phố P thì bị tổ tuần tra kiểm soát của đội Cảnh sát giao thông - Trật tự Công an thành phố P ra hiệu lệnh dừng xe, kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, tổ tuần tra phát hiện nồng độ cồn trong hơi thở của T là 0,183 mg/l nên yêu cầu cung cấp giấy tờ, thì T giao nộp 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 640228989325 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/8/2021 mang tên Trương Thị T (sinh ngày 09/12/1987, nơi cư trú Tổ 7, phường D, thành phố P, tỉnh G). Do nghi ngờ giấy phép lái xe do T cung cấp là giả nên tổ tuần tra đã lập biên bản tạm giữ giấy phép lái xe nêu trên. Ngày 08/5/2023, Đội Cảnh sát giao thông đã chuyển hồ sơ vụ việc và vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Qua xác minh, tại Công văn số 1633 ngày 06/7/2023 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Gia Lai, xác nhận: Không cấp và quản lý giấy phép lái xe hạng B2 cho Trương Thị T.

Qua trưng cầu, tại Kết luận giám định số 517/KL-KLHS ngày 13/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *"Giấy phép lái xe số 640228989325 là giả"* .

Đối với Giấy phép lái xe giả nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku niêm phong, lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 179/CT-VKS ngày 06-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trương Thị T về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" được quy định tại Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trương Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội: "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Thị T mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Về vật chứng: Không.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trương Thị T phạm tội như sau:

Do chưa có Giấy phép lái xe hạng B2 theo quy định nên vào khoảng tháng 4 năm 2020, Trương Thị T đã trực tiếp cung cấp thông tin cá nhân và đưa 4.000.000 đồng để nhờ đối tượng H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) giúp làm giả 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 640228989325 mang tên Trương Thị T, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh G cấp ngày 09/8/2021. Sau khi nhờ làm được giấy phép lái xe hạng B2 giả, T cất giữ với mục đích để sử dụng khi tham gia giao thông. Đến ngày 08/4/2023, khi T điều khiển xe ô tô biển số 81A-250.64 đi trên đường T, phường B, thành phố P thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an thành phố P kiểm tra nồng độ cồn, T đã sử dụng Giấy phép lái xe giả này xuất trình nên bị phát hiện thu giữ. Qua giám định, xác định giấy phép lái xe hạng B2 số 640228989325 mà T đã nhờ làm là giả.

Tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...".

Bị cáo Trương Thị T hoàn toàn nhận thức được hành vi cung cấp thông tin, đưa tiền nhờ người khác làm giả giấy phép lái xe là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì không muốn học và thi Giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, bị cáo đã có hành vi nhờ người khác làm giả giấy phép lái xe số 640228989325 để bị cáo sử dụng giấy phép giấy xe giả tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trương Thị T đã phạm vào tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân là cần thiết và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử cần xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

Để quyết định mức hình phạt chính xác, phù hợp, vừa đảm bảo tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời nêu cao tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Qua xem xét, bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đối chiếu với các quy định tại Điều 31, 32, 50, 65 của Bộ luật hình sự. Xét nên áp dụng hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, bên cạnh sự giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án:

Không

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên Hai, quá trình điều tra T không biết rõ nhân thân, lai lịch và không lưu giữ số điện thoại của H; Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, ghi lời khai của bà Đặng Thị Hồng H (sinh năm 1974) là chủ nhà trọ số 30 đường L, Tổ 5, phường P nhưng do tại thời điểm năm 2020 bà H cho người phụ nữ tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thuê nguyên căn nhà này và bà H không xác định được người tên H; đồng thời, Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa bàn phường Phù Đổng nhưng chưa xác định được người tên H có liên quan. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi điều khiển xe ô tô trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn của Trương Thị T đã bị Trưởng Công an thành phố Pleiku ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền. Ngày 19/4/2023, T đã đóng phạt xong.

[7] Về án phí: Bị cáo Trương Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Thị T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trương Thị T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án 07-11-2023.

Giao bị cáo Trương Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Nhàn